

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 31/CPTPV/2025

**I. Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603

Hotline: 1900232353

Email: [contact@phuongvycoffee.com](mailto:contact@phuongvycoffee.com)

Mã số doanh nghiệp: 0310553942

Doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm FSSC 22000 số VN012204/1 cấp ngày 11/07/2024 bởi BUREAU VERITAS VIETNAM cho cơ sở sản xuất:

**Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy**

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, Đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, P. Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ TRUYỀN THỐNG**

**2. Thành phần:** Cà phê (60%), đậu nành, chất tạo màu tự nhiên (150a), chất tạo màu tổng hợp (150c, 150d), dầu bơ thay thế, hương liệu tổng hợp, muối.

**3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

**4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Quy cách đóng gói: 100 g, 200 g, 250 g, 500 g, 1 kg, 5 kg, 35kg hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép phức hợp, có lớp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa PE hoặc bao bì PE có lớp bao giấy, bao cước hoặc thùng carton bên ngoài.

Bao bì tiếp xúc với sản phẩm đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

**5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:**

**Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy**

Địa chỉ: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**III. Mẫu nhãn sản phẩm:** (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28, 4.7)
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Theo phụ lục bảng thông tin chi tiết sản phẩm đính kèm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**


(Ký tên, đóng dấu)

  
  
*Trương Thị Mai Phương*

**Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển**

## PHỤ LỤC

### BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

 <b>Phuong Vy</b> Đam mê cà phê Việt	<b>CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY</b>	<b>NHÓM SẢN PHẨM: CÀ PHÊ</b>	SỐ TCB: 31/CPTPV/2025
		CÀ PHÊ TRUYỀN THỐNG	Có hiệu lực kể từ ngày ký

#### 1. Chỉ tiêu cảm quan.

- Màu sắc: Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
- Mùi: Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cà phê, không có mùi lạ
- Vị: Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
- Trạng thái: Dạng bột, không vón cục.

#### 2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 5$
2	Hàm lượng Caffeine	% khối lượng	$\geq 1$

#### 3. Chỉ tiêu kim loại nặng: Phù hợp với QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28, 4.7)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	$\leq 1$
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	$\leq 1$
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	$\leq 2$
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	$\leq 0.05$

#### 4. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: Phù hợp với QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Hàm lượng Ochratoxin A	$\mu\text{g/ kg}$	$\leq 5$

## 5. Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CÔNG BỐ
1	Năng lượng	Kcal/ 100 g	$\geq 261.1$
2	Chất đạm	g/ 100 g	$\geq 22.75$
3	Carbohydrat	g/ 100 g	$\geq 2.35$
4	Chất béo	g/ 100 g	$\geq 11.69$
5	Natri	mg/ 100 g	$\geq 76.3$

Tp Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 12 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký tên, đóng dấu)



*Trương Thị Mai Phương*

**Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển**

## THÔNG TIN GHI NHÃN SẢN PHẨM

**Tên sản phẩm:** CÀ PHÊ TRUYỀN THỐNG

**Khối lượng tịnh:** ... kg

**Thành phần:** Cà phê (60%), đậu nành, chất tạo màu tự nhiên (150a), chất tạo màu tổng hợp (150c, 150d), dầu bơ thay thế, hương liệu tổng hợp, muối.

**Hướng dẫn sử dụng:**

- Sản phẩm dùng cho pha phin
- Hoặc dùng cho sản xuất các loại cà phê khác.

**Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.

**Thông tin cảnh báo:** Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

**Giá trị dinh dưỡng trung bình: Trong 100 g**

Năng lượng: 373 kcal; Chất đạm: 32.5 g; Carbohydrate: 3.36 g; Chất béo: 16.7 g; Natri: 109 mg.

**Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**Sản xuất tại Việt Nam**

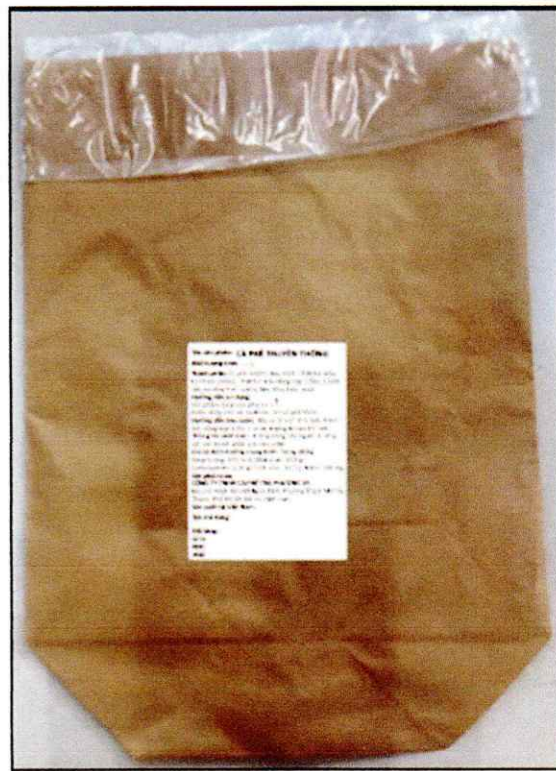
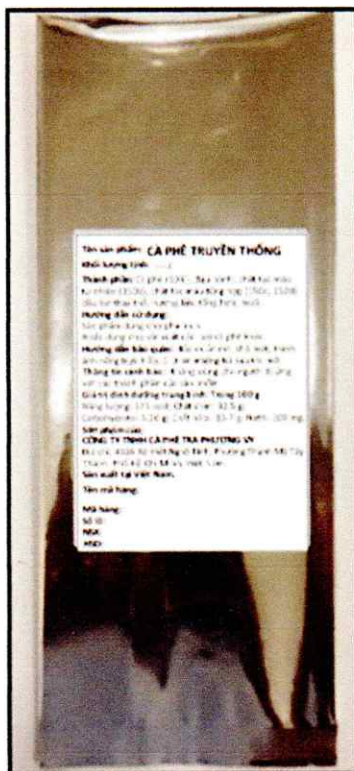
**Tên mã hàng:**

**Mã hàng:**

**Số lô:**

**NSX:**

**HSD:**



Hình ảnh chỉ mang tính minh họa cho bao bì sản phẩm



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Thạnh Mỹ Tây  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

### CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Địa chỉ chi nhánh: Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : GU5K2509250553-CB

Mã số mẫu : 743-2025-00183111

Mã số Eol : 005-32410-557221  
 Tên mẫu : CÀ PHÊ TRUYỀN THỐNG  
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong bao bì ghép mí  
 Ngày nhận mẫu : 25/09/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 06/10/2025  
 Thời gian thử nghiệm : 27/09/2025 - 06/10/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	39.6
2	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	16.7
3	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	32.5
4	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	3.36
5	VD9T0 VD (m) Năng lượng (tính theo Carbohydrat không bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	373
6	VD026 VD (a) Cafein	g/ 100 g	ISO 20481:2008	1.17
7	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	5.69
8	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết(<0.03)
9	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
10	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết(<0.03)
11	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)
12	VD50I VD (a) Độ ẩm	%	TCVN 7035:2002 (ISO 11294:1994)	2.16
13	VDL14 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-19659 (Tham khảo AOAC 2000.09; AOAC 2004.10; TCVN 8426:2010; TCVN 9724:2013 (EN 14132:2009))	Phát hiện vết(<1)
14	VD6ZP VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	109

Phát hiện vết: kết quả  $\geq$  LOD và  $<$  LOQ.  
 LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.  
 LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.



AR-25-VD-189106-02-VI / EUVNH-00370402- Trang : 2 / 2

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số mẫu : 743-2025-00183111

Ký tên

Nguyễn Anh Vũ  
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 01/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 01/12/2025.

**Ghi chú giải thích**

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.  
 Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.  
 Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/).  
 Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.  
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.  
 Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.  
 Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.  
 (a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.  
 (\*Kết quả này thay cho kết quả số AR-25-VD-189106-01/743-2025-00183111, xuất ngày 06/10/2025; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)





Bảng thành phần dinh dưỡng (Thị trường Việt Nam)/ Nutrition Label (Vietnamese market)

Mã số mẫu / Sample code Nr.: 743-2025-00183111

Mã số kết quả / Analytical Report Nr.: AR-25-VD-189106-02 / EUVNHC-00370402

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g		% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
	Năng lượng	373	
Chất đạm	32.5	g	65%
Carbohydrat	3.36	g	1%
Chất béo	16.7	g	30%
Natri	109	mg	5%

*% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values - NRV) là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm.*



Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử. Biểu mẫu bảng dinh dưỡng chỉ có giá trị tham khảo, Quý khách vui lòng xem quy định hiện hành./ Test results are valid only for test sample. The nutrition facts form is reference only. The customer should update it and comply with regulation currently.